

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày 20 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đẹp;

Bà Nguyễn Thị Phụng;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Lê Ngọc Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 231/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Ngọc H, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; Số CCCD: 07418900xxxx; giới tính: nữ; nơi thường trú: khu phố B, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương, nơi tạm trú: khu phố V, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Công Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết M (đã chết); bị cáo có chồng là ông Phan Tấn Đ và có 06 người con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 25/02/2014, Toà án nhân dân huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc”;

- Ngày 28/3/2016, Toà án nhân dân huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/6/2018;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc H: Bà Nguyễn Thị Th H1 – Luật sư Văn phòng Luật sư Hồng Ng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Hùng C sinh năm 1977, địa chỉ: khu phố Q, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp Định Ph, xã Định H2, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc H là đối tượng đánh bạc, không có nghề nghiệp ổn định và thường xuyên sang nước Campuchia đánh bạc thắng thua bằng tiền. Để có tiền đánh bạc, H tạo lòng tin với bà Nguyễn Thị Th (là nhân viên) của tiệm cầm đồ Minh Tr, thuộc khu phố Q, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương bằng cách lấy vàng thật đến cầm cố lấy tiền. Khi có được lòng tin, H sẽ mua vàng giả đem đến thế chấp cầm đồ bà Th2 tin tưởng giao tiền cho H.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 4/2023, H qua cửa khẩu Thomo (tỉnh Long An) giáp biên giới Việt Nam – Campuchia hỏi mua của người Campuchia bán hàng rong, gồm: 92 mẫu vàng giả với giá 100.000 đồng/01 chỉ. Sau đó, H đã 60 (*sáu mươi*) lần mang số vàng giả đến tiệm cầm đồ Minh Tr cầm cho bà Th2 với tổng số tiền 879.900.000 đồng (*tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*), việc nhận cầm cố số vàng trên có giấy tờ biên nhận giữa các bên, cụ thể như sau:

Ngày 12/02/2023, H đem 05 (năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 13/02/2023, H 02 (hai) lần đem 03 (ba) chỉ vàng 24K và 08 (tám) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng), trong đó: một lần 12.000.000 đồng, một lần 32.000.000 đồng. Ngày 22/02/2023, H 04 (bốn) lần đem 07 (bảy) chỉ vàng 9999, 01 (một) dây chuyền vàng và 01 (một) nhẫn vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng), trong đó: một lần 12.000.000 đồng, một lần 40.000.000 đồng và hai lần, mỗi lần 8.000.000 đồng. Ngày 23/02/2023, H 03 (ba) lần đem 9,5 (chín phẩy năm) chỉ vàng 9999 và 01 (một) lắc tay vàng 18K giả đến

gặp bà Th2 cầm 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng), trong đó: lần 1, lần 2: 20.000.000 đồng và lần 3: 8.000.000 đồng.

Tiếp đó, ngày 02/3/2023, H đem 05 (năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 04/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 và 01 (một) dây mặt vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 08/3/2023, H 02 (hai) lần đem 01 (một) dây vàng 18K và 01 (một) nhẫn vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), trong đó: 01 (một) lần 7.000.000 đồng và 01 (một) lần 5.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2023, H 04 (bốn) lần đem 9,5 (chín phẩy năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), trong đó: 01 (một) lần 2.000.000 đồng, 01 (một) lần 8.000.000 đồng, 01 (một) lần 20.000.000 đồng và 01 (một) lần 6.000.000 đồng. Ngày 14/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngày 15/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngày 16/3/2023, H 02 (hai) lần đem 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 9999 và 01 (một) dây vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) lần 10.000.000 đồng và 01 (một) lần 8.500.000 đồng. Ngày 17/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngày 18/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ngày 19/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 21/3/2023, H đem 01 (một) dây vàng 18K và 01 (một) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Ngày 22/3/2023, H đem 05 (năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 23/3/2023, H 05 (năm) lần đem 17 (mười bảy) chỉ vàng 9999 giả và 01 (một) dây chuyền vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng), trong đó: 02 (hai) lần mỗi lần 20.000.000 đồng, 01 (một) lần 18.000.000 đồng, 01 (một) lần 15.000.000 đồng và 01 (một) lần 8.000.000 đồng.

Ngày 25/3/2023, H đem 12 (mười hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng). Ngày 26/3/2023, H 02 (hai) lần đem 03 (ba) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), trong đó: 01 (một) lần 4.000.000 đồng, 01 (một) lần 8.000.000 đồng.

Ngày 29/3/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngày 30/3/2023, H 03 (ba) lần đem 11 (mười một) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) lần 28.000.000 đồng, 01 (một) lần 8.000.000 đồng và 01 (một) lần: 7.500.000 đồng.

Ngày 31/3/2023, H 02 (hai) lần đem 05 (năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng, trong đó: 01 (một) lần 10.000.000 đồng và 01 (một) lần 6.500.000 đồng. Ngày 01/4/2023, H đem 01 (một) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Ngày 02/4/2023, H 02 (hai) lần đem 1,5 (một phẩy năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) lần 2.000.000 đồng và 01 (một) lần: 3.800.000 đồng.

Ngày 05/4/2023, H 03 (ba) lần đem 5 (năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trong đó: 02 (hai) lần: 16.000.000 đồng và 01 (một) lần: 4.000.000 đồng. Ngày 06/4/2023, H đem 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 08/4/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngày 09/4/2023, H 02 (hai) lần đem 12 (mười hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng), trong đó: 01 (một) lần 20.000.000 đồng và 01 (một) lần 28.00.000 đồng. Ngày 10/4/2023, H 03 (ba) lần đem 19 (mười chín) chỉ vàng 9999 giả và 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K giả đến gặp bà Th2 cầm 105.800.000 đồng (một trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) lần 8.000.000 đồng, 01 (một) lần 3.800.000 đồng và 01 (một) lần 94.000.000 đồng. Ngày 11/4/2023, H 02 (hai) lần đem 12 (mười hai) chỉ vàng 9999 giả và 01 (một) dây chuyền vàng 15K giả đến gặp bà Th2 cầm 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng), trong đó: 01 (một) lần 5.000.000 đồng và 01 (một) lần 53.000.000 đồng. Ngày 12/4/2023, H đem 02 (hai) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Ngày 13/4/2023, H 03 (ba) lần đem 15 (mười lăm) chỉ vàng 9999 giả đến gặp bà Th2 cầm 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: 01 (một) lần: 40.000.000 đồng, 01 (một) lần: 12.000.000 đồng và 01 (một) lần 7.500.000 đồng.

Đến ngày 18/4/2023, ông Nguyễn Hùng C là chủ tiệm cầm đồ Minh Tr đến tiệm để kiểm tra thì nghi ngờ số vàng mà H giao cho bà Th2 là giả nên gặp H để nói chuyện thì H thừa nhận số vàng trên là giả và xin ông C cho H trả góp dần gốc và lãi, ông C đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày 02/6/2023, H không trả tiền theo thỏa thuận nên ông C đã trình báo sự việc đến Công an thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình Dương.

Tại Kết luận giám định số 6399/KL-KTHS ngày 27/10/2024 của Phân Viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an kết luận: (Bút lục số 35 – 36).

- Mẫu ký hiệu M1 đến M7, tổng khối lượng: 191,60 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 97,15%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 4,07%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M8, khối lượng: 6,0899 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 94,25%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 4,00%, Kẽm (Zn) – hàm lượng: 1,57%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M9, khối lượng bao gồm cả đá: 16,5996 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 93,58%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 4,42%, Kẽm (Zn) – hàm lượng: 1,92%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M10, khối lượng bao gồm cả đá: 24,2546 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 87,08%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 4,80%, Kẽm (Zn) – hàm lượng: 7,84%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M11 đến M80, tổng khối lượng: 422,37 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 94,08%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 0,86%, Kẽm (Zn) – hàm lượng: 4,53%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M81, khối lượng bao gồm cả đá: 6,8570 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) - hàm lượng: 94,67%, Đồng (Cu) - hàm lượng: 3,64%, Kẽm (Zn) – hàm lượng: 1,46%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

- Mẫu ký hiệu M82, khối lượng: 11,0096 gam, có chứa thành phần chính là Bạc (Ag) – hàm lượng: 99,55%, Đồng (Cu) – hàm lượng: 0,37%. Các mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (Au) rất mỏng, không xác định được hàm lượng Vàng.

Tại Kết luận giám định số 1345/KL-KTHS(TL) ngày 19/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: (Bút lục số 191 – 192)

- Chữ ký và chữ viết họ tên “Lê Ngọc H” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A44, từ A46 đến A58 và A60) so với chữ ký và chữ viết của Lê Ngọc H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ viết có nội dung “3 chỉ, 11.000.000đ (mười một triệu)” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A58) so với chữ viết của Lê Ngọc H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A46 đến A60) (trừ chữ viết đã kết luận tại mục 2) so với chữ viết của Lê Ngọc H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một người viết ra.

*** Việc thu giữ vật chứng:**

- 07 (bảy) dây chuyền kim loại màu vàng (dây trơn không mặt);
- 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt đính đá màu trắng;
- 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 01 viên đá lớn;

- 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa;
- 80 (tám mươi) nhẫn trơn kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau;
- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trên có mặt đá màu đen;
- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng trên có khắc hoa văn.

*** Về trách nhiệm dân sự:** bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 879.900.000 (tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số 252/CT-VKSBD.P2 ngày 25/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, truy tố bị cáo Lê Ngọc H, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng truy tố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: theo Cáo trạng xác định bà Nguyễn Thị Th là bị hại; ông Nguyễn Hùng C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; tuy nhiên sau khi xem xét vai trò thì ông C là chủ Tiệm cầm đồ Minh Tr và nguồn tiền mà bị cáo chiếm đoạt là của ông C; bà Th2 là nhân viên quản lý, làm công ăn lương; do đó, tại phiên tòa Viện kiểm sát xác định và thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án bị hại là ông Nguyễn Hùng C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Th.

Lê Ngọc H là đối tượng đánh bạc, không có nghề nghiệp ổn định và thường xuyên sang nước Campuchia đánh bạc thắng thua bằng tiền; để có tiền đánh bạc, trong thời gian từ ngày 12/02/2023 đến ngày 13/4/2023, Lê Ngọc H đã có hành vi 60 (sáu mươi) lần dùng thủ đoạn gian dối đem vàng giả gồm: 07 (bảy) dây chuyền kim loại màu vàng (dây trơn không mặt); 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt đính đá màu trắng; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 01 viên đá lớn; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa; 80 (tám mươi) nhẫn trơn kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trên có mặt đá màu đen; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng trên có khắc hoa văn đến tiệm cầm đồ Minh Tr, địa chỉ: khu phố Q, thị trấn Dầu T, tỉnh Bình Dương do ông Nguyễn Hùng C làm chủ tiệm để cầm cố chiếm đoạt 879.900.000 đồng.

Xét tính chất, động cơ và mức độ phạm tội của hành vi, xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án tiền sự, tuy nhiên về nhân thân của bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Vào ngày 25/02/2014, Tòa án nhân dân huyện Dầu T1 xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 28/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Dầu T1 xử phạt 01

năm 02 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 07/6/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm răn đe cũng như phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để bị cáo sớm được quay trở lại xã hội làm người có ích, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Ngọc H mức án từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Ngọc H trả lại cho bị hại Nguyễn Hùng C số tiền 879.900.000 (tám trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm nghìn) đồng.

Xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu huỷ, gồm: 07 (bảy) dây chuyền kim loại màu vàng (dây trơn không mặt); 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt đính đá màu trắng; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 01 viên đá lớn; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa; 80 (tám mươi) nhẫn trơn kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trên có mặt đá màu đen; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng trên có khắc hoa văn.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc H trình bày tranh luận: Thông nhất về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tuy nhiên trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi là thiếu trách nhiệm trong việc quản lý tạo kẽ hở cho bị cáo dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ; bị cáo có ông ngoại là người có công Cách mạng, nhưng không cung cấp được giấy tờ để chứng minh; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa; bị cáo không tham gia tranh luận gì thêm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên không tham gia tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Cáo trạng Viện kiểm sát xác định bà Nguyễn Thị Th là người bị hại; ông Nguyễn Hùng C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng các tài liệu, lời khai của bà Th2, ông C trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa Viện kiểm sát xác định và thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án bị hại là ông Nguyễn Hùng C; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Th; Hội đồng xét xử xét thấy; bà Nguyễn Thị Th là nhân viên quản lý Tiệm cầm đồ Minh Tr, bà Th2 được ông C giao nhiệm vụ quản lý trông coi tiệm và được ông C trả công; toàn bộ hoạt động, điều hành của Tiệm cầm đồ là do ông C quyết định, thiệt hại của Tiệm cầm đồ Minh Tr không ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân của bà Th2; do đó xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án bà Nguyễn Thị Th là bị hại trong vụ án là không đúng theo quy định; nên cần xác định bị hại trong vụ án là ông Nguyễn Hùng C; bà Nguyễn Thị Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền để đánh bạc và tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 12/02/2023 đến ngày 13/4/2023, Lê Ngọc H đã có hành vi 60 (sáu mươi) lần dùng thủ đoạn gian dối đem vàng giả gồm: 07 (bảy) dây chuyền kim loại màu vàng (dây trơn không mặt); 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt đính đá màu trắng; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 01 viên đá lớn; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa; 80 (tám mươi) nhẫn trơn kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trên có mặt đá màu đen; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng trên có khắc hoa văn đến tiệm cầm đồ Minh Trang cầm cố để chiếm đoạt số tiền 879.900.000 (tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định

tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị trên 500.000.000 đồng là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Lê Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 879.900.000 (tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) hộp bìa giấy màu nâu bên trong chứa; 07 (bảy) dây chuyền kim loại màu vàng (dây trơn không mặt); 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, có mặt đính đá màu trắng; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 01 viên đá lớn; 01 (một) lắc kim loại màu vàng bên trên có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa; 80 (tám mươi) nhẫn trơn kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trên có mặt đá màu đen; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng trên có khắc hoa văn, là vật bị cáo dùng vào việc phạm tội; không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, điều luật và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến trình bày của người bào chữa cho bị cáo là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án và có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Ngọc H 13 (mười ba) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 22/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi bị cáo Lê Ngọc H đi chấp hành án phạt tù.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo Lê Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 879.900.000 (tám trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp bìa giấy màu nâu được dán niêm phong, ghi số 6399/C09B ngày 28/11/2023, có chữ ký người chứng kiến Trần Thị M3, cán bộ điều tra Huỳnh Hữu Ph4 và dấu đỏ niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh, bên trong chứa: 07 (bảy) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (dây trơn không mặt); 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt đính đá màu trắng; 01 (một) lắc bằng kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu trắng; 01 (một) lắc bằng kim loại màu vàng có đính 07 viên đá kết thành hình bông hoa; 80 (tám mươi) nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng với nhiều kích cỡ khác nhau; 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu đen; 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có khắc hoa văn (theo kết luận giám định số 6399/KL-KTHS ngày 27/10/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

6. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Lê Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 38.397.000 (ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT, LNH, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Lộc